

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG: TRƯỜNG HỢP NGHIÊN CỨU Ở TỈNH BÌNH THUẬN

Đinh Phi Hồ - Võ Khắc Thường - La Nữ Ánh Vân - Lê Anh Khoa

Tóm tắt: Nghiên cứu này xác định các yếu tố ảnh hưởng phát triển du lịch bền vững ở tỉnh Bình Thuận. Dữ liệu phục vụ mục tiêu nghiên cứu được thu thập thông qua khảo sát tổng hợp trên 200 quan sát (Chuyên gia, nhà quản lý doanh nghiệp và du khách) ở Bình Thuận. Sau đó, dữ liệu được phân tích bằng cách sử dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá để kiểm tra mối quan hệ nêu trên. Nghiên cứu phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững bao gồm: Xúc tiến quảng bá du lịch; Cộng đồng địa phương; Nguồn nhân lực du lịch; Đa dạng các loại hình dịch vụ du lịch; Tài nguyên du lịch; Cơ sở hạ tầng.

Từ khóa: du lịch bền vững; mô hình phân tích nhân tố khám phá; Bình Thuận.

FACTORS AFFECTING SUSTAINABLE TOURISM DEVELOPMENT: A CASE STUDY IN BINH THUAN PROVINCE

Đinh Phi Hồ - Võ Khắc Thường - La Nữ Ánh Vân - Lê Anh Khoa

Abstract: This study identifies the factors affecting sustainable tourism development in Binh Thuan province. Data for the research objectives are collected through a synthetic survey of over 200 observations (experts, business managers, and tourists) in Binh Thuan. Then, the data is analyzed using exploratory factor analysis to test the above-mentioned relationship. The study discovered the factors affecting sustainable tourism development, including tourism promotion, local community, human resources for tourism, diversity of tourism services, tourism resources, the infrastructure.

Keywords: sustainable tourism; exploratory factor analysis model; Binh Thuan.

1. GIỚI THIỆU

Phát triển du lịch đang trở thành ngành kinh tế quan trọng đối với các quốc gia. Tuy nhiên, phát triển du lịch bền vững lại là vấn đề thách thức, đặc biệt trong bối cảnh suy thoái kinh tế toàn cầu, biến đổi khí hậu và tác động dịch bệnh. Phát triển du lịch bền vững cũng đang là vấn đề thách thức của Việt Nam nói chung và nói riêng ở Bình Thuận. Để duy trì sự phát triển du lịch bền vững, trước hết cần nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển bền vững. Nghiên cứu này tập trung vào (i) Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến

phát triển du lịch bền vững; (ii) Xây dựng mô hình định lượng về mối quan hệ trên; và (iii) Hàm ý các chính sách phát triển du lịch bền vững cho tỉnh Bình Thuận. Nghiên cứu sử dụng dữ liệu thu thập được từ một cuộc khảo sát trên 200 quan sát (Chuyên gia, nhà quản lý doanh nghiệp và du khách) ở Bình Thuận nhằm tạo cơ sở thực tiễn cho mô hình đo lường. Bình Thuận sở hữu nhiều tiềm năng để phát triển du lịch: Với 192 km bờ biển cùng nhiều bãi biển đẹp, bãi cát trắng vô tận, cảnh quan thơ mộng, môi trường trong lành cùng với đó là các di sản văn hóa (Khu

Di tích lịch sử trường Dục Thanh, Chùa Cô Thạch, Nhà thờ Chánh tòa, Tháp Po Dam, Tháp Chăm Posah Inur, Khu di tích lịch sử văn hóa Dinh Thầy Thím, Lầu Ông Hoàng), và nhiều lễ hội văn hóa truyền thống đặc sắc (Lễ hội Nghinh Ông, Cầu Ngư, Lễ hội Katê); Các hòn đảo còn khá hoang sơ như Cù Lao Câu, Hòn Bà, Kê Gà và đảo Phú Quý; Sinh thái miền núi Tánh Linh, nơi đây có vô vàn những khung cảnh đẹp thơ mộng, các khu bảo tồn, hồ nước, suối; Sinh thái năng lượng điện (Điện gió, mặt trời, thủy điện). Bình Thuận còn rất thuận lợi về giao thông cả đường bộ - đường biển - đường sắt, tuyến cao tốc Bắc - Nam đi qua tỉnh (Phan Thiết - Dầu Giây, Phan Thiết - Vĩnh Hảo) và Dự án nâng cấp, mở rộng sân bay Phan Thiết (Việt Hương, 2022). Với 600 cơ sở lưu trú đang hoạt động kinh doanh với 17.500 phòng; 550 căn hộ và 315 biệt thự cho thuê, đảm bảo phục vụ đa dạng các dòng du khách vào cùng một thời điểm (Lê Phạm, 2022).

2. TỔNG QUAN LÝ THUYẾT

Ngành du lịch được xem là một trong những ngành công nghiệp hàng đầu trên thế giới. Tuy nhiên, thời gian qua, những tác động suy thoái của du lịch đã trở thành một mối quan tâm lớn và cần quan tâm giải quyết. Với suy nghĩ này, khái niệm du lịch bền vững đã xuất hiện với mục đích giảm thiểu những tác động tiêu cực của hoạt động du lịch (Commission on Sustainable Development, 1999; Sharpley, 2003). Phát triển du lịch bền vững liên quan đến sự phát triển du lịch gắn với kinh tế, xã hội và môi trường (Briguglio & Cộng sự, 1996; Vellas & Becherel, 1999; WCED, 1987; Grundey, 2008). Ngành du lịch có tiềm năng đóng góp vào sự phát triển bền vững, đặc biệt là bằng cách tạo ra việc làm, bao gồm cả việc làm cho phụ nữ và những người yếu thế (Cukier, 2002). Mục đích của du lịch bền vững là tạo ra một cân bằng giữa bảo vệ môi trường, duy trì văn hóa truyền thống người dân bản địa, thiết lập công bằng xã hội và thúc đẩy các lợi ích kinh

tế, đáp ứng nhu cầu của cộng đồng dân cư bản địa về cải thiện mức sống cả trong ngắn hạn và dài hạn (Maftuhah & Wirjodirdjo, 1977; Liu & Cộng sự, 2013) ở cả các quốc gia phát triển và đang phát triển (Mitchell & Hall, 2005) trong khi nhấn mạnh cả sự công bằng giữa các thế hệ (Liu, 2013) và dưới hình thức có thể duy trì khả năng tồn tại của nó trong một khu vực trong một khoảng thời gian không xác định (Butler, 1999). Trong du lịch cộng đồng, phát triển bền vững được áp dụng để cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân bằng cách tối ưu hóa kinh tế địa phương, bảo vệ môi trường tự nhiên và nhân tạo, đồng thời cung cấp trải nghiệm du lịch chất lượng cao cho du khách (Stabler, 1997; Park & Yoon, 2009; Zolfani & Cộng sự, 2015) và hơn nữa, khuyến khích sự lan tỏa của giáo dục (Krippendorff (1982). Theo Jahan & Rahman (2016), phát triển du lịch bền vững cần quan tâm đến 3 khía cạnh: Sử dụng tối ưu tài nguyên môi trường là yếu tố quan trọng trong phát triển du lịch, duy trì quá trình sinh thái và giúp bảo tồn tự nhiên di sản và đa dạng sinh học; Tôn trọng nét đẹp văn hóa của cộng đồng, bảo tồn di sản văn hóa được xây dựng và các giá trị truyền thống, đồng thời đóng góp vào sự giao thoa văn hóa chung quốc gia; Đảm bảo hoạt động kinh tế bền vững, lâu dài, mang lại lợi ích kinh tế xã hội cho tất cả các bên liên quan (địa phương, cộng đồng, doanh nghiệp và dân cư), tạo việc làm ổn định và thu nhập và góp phần xóa đói giảm nghèo.

Các yếu tố ảnh hưởng đến du lịch bền vững

Chen & Chen, J.S. (2011) lập luận rằng cơ sở hạ tầng du lịch là yếu tố quyết định sự thành công hay thất bại của việc phát triển các điểm đến du lịch. Greg & Derek (2000) nhấn mạnh sự đóng góp to lớn của cộng đồng địa phương đối với cơ sở hạ tầng du lịch, không có địa phương cộng đồng, các hoạt động du lịch bền vững không thể được đảm bảo, trừ khi, du lịch bền vững cũng mang lại những lợi ích nhất định cho cộng đồng

địa phương. Do đó, sự phát triển bền vững của du lịch và cộng đồng địa phương có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Maia & Cộng sự (2005) cho rằng du lịch là một trong những các ngành kinh tế cần sự tham gia tích cực của các doanh nghiệp du lịch, đa dạng hóa các sản phẩm và dịch vụ du lịch để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về cầu của du khách. Lisa (2012) cho rằng chính quyền địa phương hoặc các tổ chức du lịch phải có trách nhiệm, quyền hạn lớn hơn và tham gia trong việc quy hoạch và phát triển các điểm đến du lịch. Hollier & Lanquar (1996) cho rằng để phát triển du lịch bền vững, các quốc gia cần xây dựng một hệ thống giao thông du lịch, cải thiện các phương tiện công cộng tại khu du lịch các điểm đến, tăng cường các hoạt động hỗ trợ tại các điểm du lịch trong điều kiện thời tiết xấu, phát triển các chính sách giá phù hợp cho các mùa cao điểm và cung cấp các hoạt động du lịch phải hướng đến những nhóm khách hàng cụ thể. Phát triển du lịch, chính quyền địa phương cần tạo điều kiện cho cộng đồng địa phương tham gia. Nghiên cứu về phát triển du lịch bền vững ở India của Mamhoori & Nasim (2013) cho thấy chất lượng nhân lực (nhà quản lý, hướng dẫn viên) là yếu tố quan trọng thu hút du khách. Nghiên cứu về du lịch ở Indonesia của Lee & Syah (2018) cho thấy phát triển du lịch bền vững phải gắn với bảo vệ môi trường sống, sinh thái và tăng trưởng việc làm và thu nhập cho dân cư. Nghiên cứu về du lịch ở Thailand, Kattiyapornpong và cộng sự (2018) cho thấy để có thể phát triển bền vững cần đảm bảo lợi ích hài hòa cho các tác nhân (Chính quyền, nhà đầu tư, doanh nghiệp và cộng đồng) tham gia hoạt động du lịch. Nghiên cứu về du lịch ở Turkey của Kişi (2019) cho biết cần quan tâm đến đa dạng hóa sản phẩm, sự kiện, chiến lược quảng bá và xây dựng thương hiệu, liên kết, hợp tác trong phát triển du lịch bền vững. Nghiên cứu về phát triển du lịch bền vững vùng duyên hải Nam Trung bộ, Việt Nam của Nguyen, Cong De & Cộng sự (2020) cho

thấy có 11 yếu tố ảnh hưởng, bao gồm: Thể chế và chính sách phát triển du lịch, cơ sở hạ tầng, tài nguyên du lịch, nguồn nhân lực du lịch, sự đa dạng của các dịch vụ du lịch, hỗ trợ liên quan dịch vụ, hoạt động liên kết và hợp tác phát triển du lịch, xúc tiến và khuyến khích du lịch, sự hài lòng của khách du lịch, cộng đồng địa phương và các yếu tố khác. Theo nghiên cứu về du lịch ở Bà Rịa – Vũng Tàu, của Vu, Dong Van & Cộng sự (2020), có 12 yếu tố tác động đến phát triển du lịch bền vững bao gồm: kinh tế, xã hội, môi trường, tài nguyên du lịch nhân văn, tài nguyên du lịch tự nhiên, nguồn nhân lực du lịch, sản phẩm và dịch vụ du lịch, chất lượng du lịch, cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, quản lý chính quyền. Tổng hợp các nghiên cứu từ thập niên 1990 đến nay, có 6 yếu tố chính ảnh hưởng đến phát triển DLBV, bao gồm: hạ tầng; tài nguyên du lịch; nguồn nhân lực cho du lịch; sự đa dạng của dịch vụ du lịch; cộng đồng địa phương; xúc tiến quảng bá du lịch. Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu liên quan nêu trên, các tác giả đề nghị các giả thuyết sau:

H1: Cơ sở hạ tầng tác động tích cực đến phát triển du lịch bền vững;

H2: Tài nguyên du lịch tác động tích cực đến phát triển du lịch bền vững;

H3: Nguồn nhân lực cho du lịch tác động tích cực đến phát triển du lịch bền vững;

H4: Sự đa dạng của dịch vụ du lịch tác động tích cực đến phát triển du lịch bền vững;

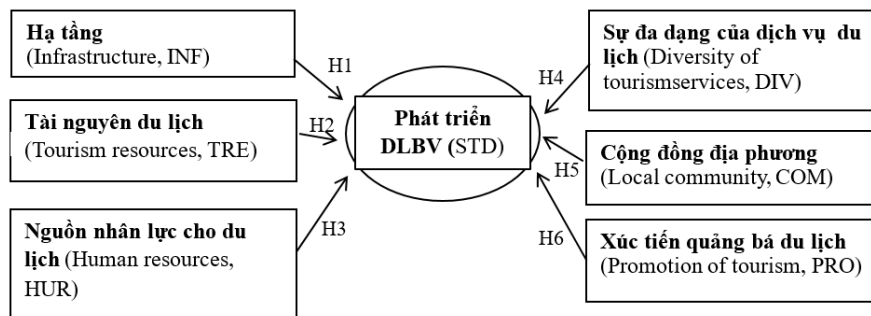
H5: Cộng đồng địa phương tác động tích cực đến phát triển du lịch bền vững;

H6: Xúc tiến quảng bá du lịch tác động tích cực đến phát triển du lịch bền vững.

3. MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

Tổng quan lý thuyết và nghiên cứu thực nghiệm là cần thiết để nghiên cứu thêm nhằm mở rộng lý thuyết, cung cấp thêm bằng chứng thực nghiệm và các hàm ý quản

lý liên quan đến phát triển du lịch bền vững. Các nghiên cứu trước đây nêu bật những hiểu biết sâu sắc về tác động của các mối quan hệ trên và đo lường các mối quan hệ bằng cách sử dụng các mô hình định lượng khác nhau, mô hình hồi quy riêng biệt, nhưng không cung cấp cơ sở đầy đủ cho một khung phân tích toàn diện về phát triển du lịch bền vững. Do đó, mục đích của nghiên cứu này là mở rộng các phát hiện từ các nghiên cứu trước đây về các yếu tố tác động đến phát triển du lịch bền vững, và phân tích bằng mô hình phân tích nhân tố khám phá. Nhóm nghiên cứu lựa chọn mô hình nghiên cứu cho Bình Thuận như Hình 1.



Hình 1: Mô hình nghiên cứu

4. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đo lường: Tất cả các thang đo được điều chỉnh từ các nghiên cứu trước để phù hợp với bối cảnh nghiên cứu tại Việt Nam. Chúng tôi thiết kế quy trình ba bước để tiến hành cuộc khảo sát. Đầu tiên, chúng tôi khảo sát bằng phương pháp chuyên gia trao đổi với 10 chuyên gia quản lý du lịch có ít nhất năm kinh nghiệm làm việc tại các cơ quan có liên quan đến ngành du lịch, là lãnh đạo các sở, cơ quan, ban ngành trên địa bàn TP. Phan Thiết để tham khảo các thang đo và các biến quan sát cho phù hợp với ngành du lịch. Thứ hai, một cuộc khảo sát thí điểm với 10 nhà quản lý các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch và 10 du khách ở Thành phố Phan Thiết nhằm kiểm tra lại bảng câu hỏi khảo sát không có sai sót và nội dung phù hợp. Mẫu được chọn dựa trên mức độ sẵn sàng tham gia nghiên cứu của người trả lời. Thứ ba, khảo sát toàn bộ với đối tượng là các chuyên gia (15 người), nhà quản lý doanh nghiệp (100 người) và khách du lịch (100 người) là những người đã trải nghiệm du lịch ở Bình Thuận. Tổng số có 215 người trả lời đã điền vào bảng câu hỏi.

Thang đo Likert năm khoảng cách bắt đầu từ “hoàn toàn không đồng ý” đến “hoàn

toàn đồng ý” được sử dụng để đo lường tất cả biến quan sát. Để đo lường các thang đo “Tài nguyên du lịch”, và “Nguồn nhân lực du lịch”, 10 biến quan sát đã được đưa vào bảng câu hỏi. Thang đo này chủ yếu dựa vào nghiên cứu về du lịch ở Bà Rịa - Vũng Tàu của Vu, Dong Van & Cộng sự (2020) và được điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh Phan Thiết và có một số biến quan sát mới được các tác giả xây dựng từ kết quả thảo luận chuyên gia như “Nhiều di sản văn hóa, kiến trúc nghệ thuật, di tích lịch sử, bảo tàng, di tích, chùa, nhà thờ, miếu, mộ ... ấn tượng và độc đáo”; “Chất lượng nguồn nhân lực quản lý nhà nước về du lịch”. Thang đo “Cộng đồng địa phương” với 5 biến quan sát, dựa vào nghiên cứu về du lịch ở Thailand của Kattiyapornpong & Cộng sự (2018). Các thang đo “Cơ sở hạ tầng”, “Đa dạng các loại hình dịch vụ du lịch”, “Xúc tiến quảng bá du lịch” với 14 biến quan sát. Các thang đo này chủ yếu dựa vào nghiên cứu về du lịch ở Bangladesh của Jahan & Rahman (2016); ở Turkey của Kişi (2019) và được điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh Bình Thuận và có một số biến quan sát mới được các tác giả xây dựng từ kết quả thảo luận chuyên gia như “Ẩm thực, ăn uống, ẩm thực địa phương rất độc đáo và hấp dẫn”; “Quảng bá và khuyến

khách du lịch địa phương và khu vực”. Thang đo “Phát triển du lịch bền vững” với 4 biến quan sát, dựa vào nghiên cứu về du lịch ở Indonesia của Lee & Syah (2018) và được điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh Bình Thuận.

Thu thập và xử lý dữ liệu: Chúng tôi đã tiến hành khảo sát bằng câu hỏi tại Bình Thuận. Với 215 bảng câu hỏi khảo sát. Khảo sát tiến hành từ tháng 2 đến tháng 3/2023. Sau khi thực hiện xử lý dữ liệu, đã có 200 quan sát đảm bảo phù hợp và sử dụng để phân tích dữ liệu.

Theo Ho Dinh Phi (2022), mô hình Phân tích nhân tố khám phá được thực hiện theo quy trình bao gồm 3 bước: (i) Kiểm định tin cậy thang đo (Reliability test of scale); (ii) Phân tích nhân tố khám phá (Exploratory Factor Analysis–EFA); (iii) Phân tích hồi quy đa biến (Multiple variable regression). Phân tích dữ liệu dựa vào phần mềm SPSS phiên bản 21.0.

5. KẾT QUẢ

Mô tả đặc điểm đối tượng khảo sát

Giới tính và độ tuổi: Trong 200 quan sát khảo sát, giới tính nam chiếm 54%. Độ tuổi chủ yếu là từ 31- 45 tuổi (73.5%).

Trình độ học vấn: Có trình độ học chủ yếu là cao đẳng và đại học (77%). Nghề nghiệp chủ yếu là cán bộ - nhân viên và các nhà quản lý (76%).

Bảng 1. Đặc điểm đối tượng khảo sát

TT	Nội dung	Đơn vị tính	TT	Nội dung	Đơn vị tính
1	Giới tính	%	4	Thu nhập	%
	Nam	54		< 20 triệu đồng / tháng	17
	Nữ	46		21-30	36
2	Độ tuổi	%		> 30	33
	< 30 năm	16	5	Tình trạng nghề nghiệp	%
	31-45	57		Nhân viên	24
	46-55	9		Công chức, viên chức	31
	> 55	18		Nhà kinh doanh	45
3	Trình độ học vấn	%			
	Trung học	23			
	Cao đẳng	47			
	Đại học	30			

Bảng 2. Tin cậy thang đo và biến quan sát bị loại

TT	Thang đo	Biến quan sát	Hệ số Alpha	Kết luận
1	TRE	TRE5	0,817	Chất lượng tốt
2	COM	Không	0,863	Chất lượng tốt
3	INF	INF5	0,857	Chất lượng tốt
4	HUR	HUR5	0,831	Chất lượng tốt
5	DIV	Không	0,844	Chất lượng tốt
6	PRO	Không	0,873	Chất lượng tốt
7	STD	Không	0,850	Chất lượng tốt

Tình trạng thu nhập: Thu nhập từ 21-30 triệu đồng/ tháng chiếm chủ yếu (36%).

Phân tích độ tin cậy

Kết quả thể hiện trong bảng 2 cho thấy: Ngoại trừ các biến TRE5, INF5, HUR5, các biến quan sát đều thỏa mãn các điều kiện trong phân tích độ tin cậy của thang đo thông qua hệ số Alpha > 0,6 và tương quan biến – tổng > 0,3 (Nunnally & Burnstein, 1994).

Phân tích nhân tố khám phá

Bảng 3. Ma trận nhân tố xoay

	Nhân tố						
	1	2	3	4	5	6	7
COM3	0,807						

COM5	0,795						
COM2	0,793						
COM1	0,755						
COM4	0,743						
DIV4		0,798					
DIV5		0,782					
DIV1		0,767					
DIV3		0,763					
DIV2		0,763					
INF2			0,844				
INF3			0,795				
INF1			0,786				
INF4			0,784				
HUR4				0,823			
HUR2				0,793			
HUR3				0,766			
HUR1				0,728			
PRO4					0,782		
PRO2					0,779		
PRO3					0,736		
PRO1					0,709		
TRE4						0,821	
TRE2						0,778	
TRE1						0,755	
TRE3						0,747	
STD1							0,870
STD3							0,865
STD2							0,811
STD4							0,775
Kaiser-Meyer-Olkin Measure (Thước đo KMO)						0,862	0,862
Kiểm định Bartlett (Mức ý nghĩa)						0,000	0,000
Eigenvalues (Giá trị Eigen)						1,232	2,764
% of Variance (Phương sai trích, %)						67,547	69,096

Ghi chú: $0,5 < KMO < 1$; kiểm định Bartlett có mức ý nghĩa nhỏ hơn 0,05; hệ số tải nhân tố của các biến quan sát (Factor Loading) $> 0,5$; phương sai trích $> 50\%$ và Eigenvalue > 1 (Hair & Cộng sự, 2006).

Kết quả được trình bày trong bảng 2 cho thấy: Phát triển du lịch bền vững được trích thành 06 yếu tố tương ứng với các biến đo lường của mô hình lý thuyết với tổng phương sai trích là 67, 547% tại Eigenvalue là 1,232;

EFA của Phát triển du lịch bền vững được trích thành 04 biến quan sát với phương sai trích là 69,096% tại Eigenvalue là 2,764. Kết quả EFA được sử dụng bằng phương pháp xoay Varimax.

Phân tích hồi quy tuyến tính đa biến

Các thang đo của mô hình đo lường được chuyển đổi qua biến định lượng (Ho Dinh Phi, 2022).

$\bar{X}_i$ = Mean (các biến quan sát của thang đo)

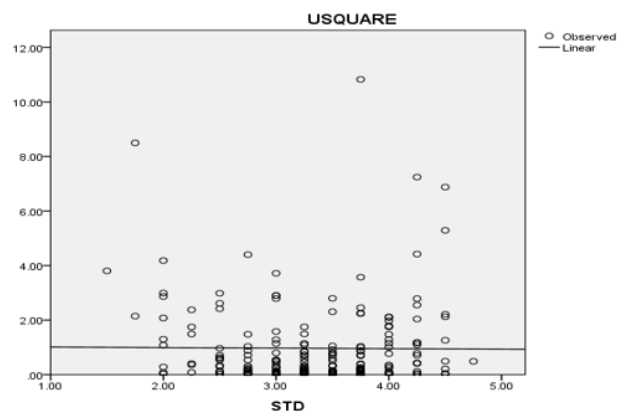
Như vậy mô hình hồi quy của nghiên cứu có dạng:

$$STD = f(\text{COM, DIV, INF, HUR, PRO, TRE})$$

Bảng 4. Hệ số hồi quy

	Hệ số chưa chuẩn hóa (Unstandardized Coefficients)		Hệ số chuẩn hóa (Standardized Coefficients)	t	Sig.	Collinearity Statistics	
	B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF
(Constant)	-0,993	0,282		-3,519	0,001		
COM	0,273	0,061	0,228	4,457	0,000	0,774	1,291
DIV	0,185	0,055	0,159	3,382	0,001	0,918	1,089
INF	0,151	0,057	0,137	2,651	0,009	0,758	1,319
HUR	0,218	0,059	0,189	3,668	0,000	0,760	1,316
PRO	0,323	0,061	0,321	5,268	0,000	0,543	1,843
TRE	0,167	0,058	0,144	2,896	0,004	0,816	1,225

Trong Bảng 4, với kiểm định t – student, các biến độc lập tương quan có ý nghĩa thống kê với biến phụ thuộc SAT với mức ý nghĩa $\leq 0,05$ hoặc mức tin cậy trên 95% (Green, 1991); Các kiểm định khác bao gồm: R² hiệu chỉnh: 0,598, mức độ giải thích mô hình 59,8% (Hair & Cộng sự, 2006); ANOVA: Sig. = 0.000, mô hình hồi quy phù hợp (Hair & Cộng sự, 2006); VIF < 10, không có hiện tượng cộng tuyến (Belsley & Cộng sự, 1980); $1 < d = 2,069 < 3$, không có hiện tượng tự tương quan (Belsley & Cộng sự, 1980). Nghiên cứu áp dụng kiểm định Park xem xét tính ổn định phương sai phần dư (Park, 1966).



Hình 2: Kiểm định Park

Trong Hình 2, đường tương quan dạng tuyến tính, không có hiện tượng phương sai phần dư thay đổi.

Kết luận: Thông qua 6 kiểm định, các yếu tố ảnh hưởng đến Phát triển du lịch bền vững bao gồm: COM, DIV, INF, HUR, PRO, và TRE.

Bảng 5. Kết quả giả thuyết

Giả thuyết	Tác động			Sig.	Bêta	%	Vị trí	Kết quả
H5	STD	<---	COM	0,000	0,228	19,4	2	Chấp nhận
H4	STD	<---	DIV	0,001	0,159	13,5	4	Chấp nhận
H1	STD	<---	INF	0,009	0,137	11,6	6	Chấp nhận
H3	STD	<---	HUR	0,000	0,189	16,0	3	Chấp nhận
H6	STD		PRO	0,000	0,321	27,2	1	Chấp nhận
H2	STD		TRE	0,004	0,144	12,2	5	Chấp nhận
	Tổng				1,178	100		

Kết quả được trình bày trong bảng 5 cho thấy các giả thuyết đều được chấp nhận ở mức tin cậy trên 95%. Dựa vào hệ số hồi quy chuẩn hóa, Beta (Norusis, 1993), các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững theo thứ tự ảnh hưởng: PRO (Xúc tiến quảng bá du lịch), COM (Cộng đồng địa phương), HUR (Nguồn nhân lực du lịch), DIV (Đa dạng các loại hình dịch vụ du lịch), TRE (Tài nguyên du lịch) và INF (Cơ sở hạ tầng).

6. THẢO LUẬN VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

Một là, nghiên cứu đã xác định có 6 yếu tố tác động đến “Phát triển du lịch bền vững” bao gồm: Xúc tiến quảng bá du lịch; Cộng đồng địa phương; Nguồn nhân lực du lịch; Đa dạng các loại hình dịch vụ du lịch; Tài nguyên du lịch; Cơ sở hạ tầng. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu trước đây về ngành du lịch Bangladesh (Jahan & Rahman, 2016); Turkey (Kışı, 2019); Việt Nam (Vu, Dong Van & cộng sự, 2020).

Thứ hai, nghiên cứu hiện tại bổ sung các biến quan sát mới vào lĩnh vực nghiên cứu về phát triển du lịch bền vững, cụ thể là “Nhiều di sản văn hóa, kiến trúc nghệ thuật, di tích lịch sử, bảo tàng, di tích, chùa, nhà thờ, miếu, mộ ... ấn tượng và độc đáo”; “Chất lượng nguồn nhân lực quản lý nhà nước về du lịch”; “Ẩm thực, ăn uống, ẩm thực địa phương rất độc đáo và hấp dẫn”; “Quảng bá và khuyến khích du lịch địa phương và khu vực”.

Thứ ba, kết quả nghiên cứu gợi ý rằng: để phát triển du lịch bền vững ở Bình Thuận nên quan tâm đến các vấn đề sau:

- Xúc tiến quảng bá du lịch: Tỉnh cần ưu tiên nguồn lực cho Trung tâm Xúc tiến Du

lịch hoàn thiện các chương trình quảng bá du lịch. Đặc biệt, các chương trình quảng bá khai thác thế mạnh công nghệ số như giới thiệu du lịch Bình Thuận trên công nghệ VR360, vũ trụ ảo (metaverse) và triển khai truyền thông du lịch Phan Thiết trên kênh truyền hình, các nền tảng du lịch thương mại điện tử.

- Cộng đồng địa phương: Thường xuyên có các chương trình đào tạo và nâng cao kiến thức cho cộng đồng dân cư gắn với các điểm đến, khu du lịch và quan tâm đến vai trò tham gia của cộng đồng trong các dự án phát triển du lịch.

- Nguồn nhân lực du lịch: Liên kết với ĐH Phan Thiết trong việc đào tạo ngành du lịch cho cán bộ chính quyền, chuyên viên quản lý du lịch và nhân viên của các doanh nghiệp kinh doanh lĩnh vực du lịch nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch.

- Tài nguyên du lịch và đa dạng các loại hình dịch vụ du lịch: Với những quyền hạn được phép của tỉnh, cần có những chính sách đột phá riêng của Bình Thuận nhằm thu hút các nhà đầu tư lớn trong và ngoài nước đầu tư vào các trung tâm sinh thái du lịch: Biển, đảo, vùng cát trắng, gió, rừng, núi để đẩy nhanh việc khai thác tài nguyên du lịch và đa dạng hóa loại hình và sản phẩm du lịch của Bình Thuận.

- Cơ sở hạ tầng: Quan tâm đến đầu tư hệ thống giao thông kết nối với hệ thống giao thông quốc gia (đường bộ - đường biển - đường sắt, tuyến cao tốc Bắc - Nam và dự án nâng cấp, mở rộng sân bay Phan Thiết). Khuyến khích cộng đồng tham gia đầu tư các cơ sở lưu trú, dịch vụ ẩm thực và tôn tạo cảnh quan, di tích huyền thoại về văn hóa – lịch sử của dân bản địa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Belsley D.A, Kuh E, and Welsch, R.E, (1980). *Regression Diagnostics: Identifying Influential Data and Sources of Collinearity*. John Wiley & Sons, New York.

Briguglio, L., Archer, B., Jafari, J., and Wall, G. (1996). *Sustainable tourism in Islands and small states: Issues and policies*. London: Pinter.

- Butler, R. W. (1999). Sustainable tourism: A state-of-the-art review. *Tourism Geographies*, 1, 7–25.
- Chen, L. J., and Chen, J. S. (2011). The motivations and expectations of international volunteer tourists: A case study of “Chinese Village Traditions”. *Tourism Management*, 32(2), 435–442.
- Commission on Sustainable Development (1999). *Tourism and sustainable development*. Available from <https://sustainabledevelopment.un.org/content/documents/401ngo4.pdf>.
- Cukier, J. (2002). Tourism employment issues in developing countries: Examples from Indonesia.
- In R. Sharpley, & D. J. Telfer (Eds.), *Tourism and development, concepts and issues* (pp. 165–201). Clevedon: Channel View Publications.
- Greg, R., and Derek, H. (2000). *Tourism and sustainable community development*. London, UK: Routledge.
- Green, W.H. (1991). *Econometric Analysis*. Upper Saddle River NJ: Prentice-Hall
- Grundey, D. (2008). Managing sustainable tourism in Lithuania: Dream or reality? *Technological and Economic Development of Economy*, 14, 118–129.
- Hair, J., Aderson, R., Tatham, P., and Black, W. (2006). *Multivariate Data Analysis*, 6ed. N.J.: Prentice- Hall, Upper Saddle River.
- Ho Dinh Phi (2022). *Quantitative Analytical Tools used Economic Research and Scientific Articles Writing in Vietnam*. Eliva Press; ISBN: 9781 6364 85065.
- Hollier, R., and Lanquar, R. (1996). *Tourism marketing: Ecotourism and sustainable development: who owns paradise*. Washington, DC: Island Press.
- Jahan, N., and Rahman, S. (2016). *Identifying the key factors influencing sustainable tourism in Bangladesh: A Quantitative Analysis*. Asia Tourism Forum 2016 – The 12th Biennial Conference of Hospitality and Tourism Industry in Asia (ATF-16), 468–473.
- Kattiyapornpong, U., Ditta-Apichai, M., Kanjanasilanon, C., and Siriyota, K. (2018). Sustainable Tourism Development: An Application of Social Exchange Theory in Thailand. *Asia Proceedings of Social Sciences*, 2(3), 123–126.
- Kişî, N. (2019). A Strategic Approach to Sustainable Tourism Development Using the A’WOT Hybrid Method: A Case Study of Zonguldak, Turkey. *Sustainability*, 11(4), 964. DOI: 10.3390/su11040964.
- Krippendorf, J. T. (1982). New Tourism Policies: The Importance of Environmental and Socio-Cultural Factors. *Tour. Manag.*, 3, 135–148.
- Lê Phạm (2022). *Nhiều tiềm năng và cơ hội để du lịch Bình Thuận 'cất cánh'*. Truy cập từ <https://baochinhphu.vn/nhieu-tiem-nang-va-co-hoi-de-du-lich-binh-thuan-cat-can-102220831144029386.htm>.
- Lee, J. W., and Syah, A. M. (2018). Economic and Environmental Impacts of Mass Tourism on Regional Tourism Destinations in Indonesia. *Journal of Asian Finance, Economics and Business*, 5(3), 31–41.
- Lisa, R. (2012). Local government: Facilitator or inhibitor of sustainable tourism

development? *Journal of Sustainable Tourism*, 21(1), 80-98.

Liu, Z. (2003). Sustainable tourism development: A critique. *Journal of Sustainable Tourism*, 11, 459-475.

Liu, C. H., Tzeng, G. H., Lee, M. H., and Lee, P. Y. (2013). Improving metro–airport connection Service for tourism development: Using hybrid MCDM models. *Tourism Management Perspectives*, 6, 95–107.

Maftuhah, D. I., and Wirjodirdjo, B. (1977). *Model for developing five key pillars of sustainable tourism: A literature review*. AIP Conference Proceedings (pp. 1-15). <https://doi.org/10.1063/1.5042979>). AIP Publishing.

Maia, L., Han, B., and Mikael, B. (2005). The entrepreneurship factor in sustainable tourism development. *Journal of Cleaner Production*, 13(8), 787-798.

Mamhoori, A. (2015). Sustainable Tourism Development: An Empirical Survey of Tour Operators in India. *Journal of Tourism & Hospitality*, 4(5), 1-6

Mitchell, M., and Hall, D. (2005). Rural tourism as sustain-able business: Key themes and issues. In D. Hall, I. Kirkpatrick, & M. Mitchell (Eds.), *Rural tourism and sustainable business* (pp. 3-16). Tonawanda, NY: Channel View Publications.

Nguyen, Cong De, Ngo, Thang Loi, Do, Ngoc My, Nguyen, Ngoc Tien (2020). Key Factors Affecting Sustainable Tourism in the Region of South Central Coast of Vietnam. *The Journal of Asian Finance, Economics and Business*, 7(12), 977-993.

Norusis, J. M. (1993). SPSS for Windows, *Base system user's guide*. SPSS Inc.

Nunnally, J. C., and Burnstein, I. H. (1994). *Psychometric Theory*. New York: McGraw – Hill.

Park, R.E. (1966). Estimation with Heteroscedastic error terms. *Econometrica*, 134 (4), 88-98

Park, D. B., and Yoon, Y. S. (2011). Developing sustainable rural tourism evaluation indicators. *International Journal of Tourism Research*, 13, 401–415.

Sharpley, R. (2000). Tourism and sustainable development: Exploring the theoretical divide. *Journal of Sustainable Tourism*, 8(1), 1-19.

Stabler, M. J. (1997). *Tourism & sustainability: Principles to practice*. New York, NY: Cab International.

Vellas, F., and Becherel, L. (1999). *The international marketing of travel and tourism: A Strategic Approach*. London: MacMillan.

Vu, Dong Van, Tran, Ghi Nha, Nguyen, Hien Thi Thu, và Nguyen, Cong Van (2020). Factors Affecting Sustainable Tourism Development in Ba Ria-Vung Tau, Vietnam. *The Journal of Asian Finance, Economics and Business*, 7(9), 561-572.

WCED. (1987). *Our common future*. Oxford: Oxford University Press.

Zolfani, S.H., Sedaghat, M., Maknoon, R., and Zavadskas, E.K. (2015) Sustainable tourism: a comprehensive literature review on frameworks and applications, *Economic*

Research-Ekonomska Istraživanja, 28(1), 1-30,**PHỤ LỤC****Bảng 6. Thang đo và các biến quan sát**

TT	Thang đo	Mã hóa
I	Tài nguyên du lịch (Tourism resources)	TRE
1	Cảnh quan thiên nhiên (đồi núi, sông, hồ, bãi biển, đảo, bán đảo...) đẹp, đa dạng và độc đáo	TRE1
2	Nhiều di sản văn hóa, kiến trúc nghệ thuật, di tích lịch sử, bảo tàng, di tích, chùa, nhà thờ, miếu, mộ ... ấn tượng và độc đáo.	TRE2
3	Nhiều sự kiện văn hóa, thể thao, lễ hội truyền thống hấp dẫn và độc đáo	TRE3
4	Nhiều nghệ thuật truyền thống và văn hóa dân gian đặc sắc	TRE4
5	Nhiều làng nghề truyền thống, thủ công mỹ nghệ, sản phẩm địa phương độc đáo.	TRE5
II	Cộng đồng địa phương (Local community)	COM
6	Cộng đồng địa phương tích cực tham gia phát triển và kinh doanh du lịch	COM1
7	Cộng đồng địa phương thân thiện	COM2
8	Cộng đồng địa phương hỗ trợ du khách	COM3
9	Người dân địa phương tham gia dịch vụ du lịch	COM4
10	Người dân địa phương đang đào tạo các kỹ năng cần thiết về dịch vụ du lịch	COM5
III	Cơ sở hạ tầng (Infrastructure)	INF
11	Cơ sở hạ tầng giao thông thuận tiện và hệ thống sân bay, bến tàu, nhà ga đáp ứng nhu cầu của du khách	INF1
12	Hệ thống tour, tuyến, điểm du lịch, khu du lịch phong phú	INF2
13	Hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu của khách du lịch	INF3
14	Đầy đủ hệ thống khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi, mua sắm, giải trí	INF4
15	Hệ thống nhà vệ sinh công cộng đầy đủ và sạch sẽ	INF5
IV	Nguồn nhân lực du lịch (Human resources for tourism)	HUR
16	Quan điểm và chiến lược phát triển nguồn nhân lực cụ thể, rõ ràng	HUR1
17	Chính sách đào tạo, bồi dưỡng và thu hút nguồn nhân lực	HUR2
18	Chế độ đãi ngộ và môi trường làm việc	HUR3
19	Chất lượng nguồn nhân lực quản lý nhà nước về du lịch	HUR4
20	Chất lượng nguồn nhân lực của các doanh nghiệp du lịch	HUR5
V	Đa dạng các loại hình dịch vụ du lịch (Diversity of tourism services)	DIV
21	Chỗ ở đa dạng và đầy đủ tiện nghi	DIV1
22	Nhiều hoạt động giải trí thú vị và phong phú	DIV2
23	Nhiều tour, tuyến, điểm du lịch hấp dẫn	DIV3
24	Ẩm thực, ăn uống, ẩm thực địa phương rất độc đáo và hấp dẫn	DIV4
25	Phương tiện di chuyển phục vụ du khách đa dạng	DIV5
VI	Xúc tiến quảng bá du lịch (Tourism promotion)	PRO
26	Chiến lược khuyến khích và quảng bá du lịch	PRO1
27	Tận dụng tốt các cơ hội thị trường mới và truyền thống	PRO2
28	Phát triển các chương trình và sự kiện	PRO3
30	Quảng bá và khuyến khích du lịch địa phương và khu vực	PRO4
VII	Phát triển du lịch bền vững (Sustainable tourism development)	STD
31	Du lịch góp phần bảo tồn và phát triển các giá trị di sản, văn hóa, phong tục, tập quán của địa phương	STD1

32	Du lịch có tác động tích cực đến môi trường sống và không gây ra các vấn đề quá tải (giao thông, không gian sống...) cho cư dân sống trong một điểm nóng du lịch.	STD2
33	Du lịch làm tăng lượng tiêu thụ các sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ địa phương	STD3
34	Du lịch góp phần nâng cao cơ hội việc làm trong khu vực	STD4

Ngày nhận bài: 25/10/2023

Ngày hoàn thiện biên tập: 05/11/2023

Ngày duyệt đăng: 12/11/2023

Thông tin tác giả:

PGS.TS. Đinh Phi Hổ, Trường Đại học Phan Thiết, Email: dinhphiho@gmail.com

PGS.TS. Võ Khắc Thường, Trường Đại học Phan Thiết, Email: thuong@upt.edu.vn

TS. La Nữ Ánh Vân, Trường Đại học Phan Thiết, Email: lnavan@gmail.com

Lê Anh Khoa, Hội Du lịch tỉnh Bình Thuận